

Bản án số: 272/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Châu Hải Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trịnh Minh P, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp TLB, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh P chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chị và anh P phát sinh mâu thuẫn do anh P không quan tâm, lo lắng cho gia đình, thường xuyên xúc phạm chị dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng anh P không thay đổi. Chị yêu cầu ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị và anh P có một con chung là cháu Trịnh Minh Ph, sinh ngày 28/5/2015, đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được Tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ph, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có.

Đối với anh Trịnh Minh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trịnh Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh P chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do do anh P không quan tâm, lơ đãng cho gia đình, thường xuyên xúc phạm chị dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn đã được hai bên hòa giải nhiều lần nhưng anh P không thay đổi. Anh P không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T được ly hôn anh P.

[3] Về con chung: Cháu Ph đang sống chung chị T vẫn phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Theo Văn bản ghi ý kiến ngày 28/10/2024, cháu Ph có nguyện vọng sống chung chị T. Do đó, việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ph là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trịnh Minh P.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Minh Ph, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trịnh Minh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001785 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

